

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 22 - 4 - 2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

Ông Cao Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1994.

Bị đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Xóm I (T), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn V ngày 03 tháng 12 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do anh V ham chơi bài bạc, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Diễm C sinh ngày 04 tháng 11 năm 2014, Bùi Thiên P sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Bùi Diệp A sinh ngày 20 tháng 10 năm 2021. Hiện 03 con chung đang ở với chị L. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 1.000.000đồng/01 con/ tháng đến khi con chung trưởng thành tự lập được.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 4 năm 2025, bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh V) trình bày:

Anh Bùi Văn V và chị Trần Thị L kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn không, bà N không biết.

Anh Bùi Văn V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh đang đi tàu sông tại tỉnh Thái Bình, anh không về được. Về việc chị L xin ly hôn, anh V đã gọi điện khuyên chị rút đơn về đoàn tụ nuôi dạy các con nhưng chị L cố tình đề nghị ly hôn, anh có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị L đã trình bày. Hiện nay các con đang ở với chị L, nếu phải ly hôn anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh V đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung Bùi Diễm C sinh ngày 04 tháng 11 năm 2014, Bùi Thiên P sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Bùi Diệp A sinh ngày 20 tháng 10 năm 2021 của chị L.

Buộc anh Bùi Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị L số tiền là 1.000.000đồng/01 con/ tháng đến khi con chung trưởng thành tự lập được.

Về tài sản, công nợ: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng: Anh V phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V chị L là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn V kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh V ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh V không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L anh V đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Diễm C sinh ngày 04 tháng 11 năm 2014, Bùi Thiên P sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Bùi Diệp A sinh ngày 20 tháng 10 năm 2021, hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Hiện nay anh V đang đi tàu sông tại T không ở nhà. Các con chung của anh chị đều còn nhỏ, hiện đang ở với chị L. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, xét thấy cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền là 1.000.000đồng/01 con/1 tháng. Hiện nay chị L đang làm công nhân có thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Vì vậy buộc anh Bùi Văn V phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung cùng chị L là 1.000.000đồng/01 con/tháng.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị L không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Anh V phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị L và anh Bùi Văn V.
2. Về con chung: Giao chị Trần Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung Bùi Diễm C sinh ngày 04 tháng 11 năm 2014, Bùi Thiên P sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Bùi Diệp A sinh ngày 20 tháng 10 năm 2021.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Văn V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung Bùi Diễm C, Bùi Thiên P và Bùi Diệp A cùng chị L số tiền là 1.000.000đồng/01 con/ tháng kể từ tháng 5 năm 2025 đến khi các con trưởng thành tự lập.

Anh Bùi Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí:

4.1. Án phí ly hôn: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004231 ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị L phải nộp. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Bùi Văn V phải nộp 300.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn V, chị Trần Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Dũng